

Số: 373/QĐ-CTHADS

Bình Thuận, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2023

**CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (t/h);
- Tổng Cục THADS-VKHTC;
- Lãnh đạo Cục THADS ;
- KBNN tỉnh;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, Kế toán HCSN.



OT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Bình



PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định 373/QĐ-CTHADS và 374/QĐ-CTHADS ngày 29/12/2022 của Cục Trưởng cục THADS tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng Cộng	Tên Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Mã số KBNN nơi giao dịch
I	TỔNG CỘNG	26.926.754	KBNN tỉnh Bình Thuận	1661
	Giao tự chủ tài chính	23.329.819		
	Giao không tự chủ tài chính	3.596.935		
1	Văn phòng Cục THADS tỉnh	7.607.706	KBNN tỉnh Bình Thuận	1661
	Giao tự chủ tài chính	6.282.131		
	Giao không tự chủ tài chính	1.325.575		
2	Chi cục THADS TP. Phan Thiết	3.434.378	KBNN tỉnh Bình Thuận	1661
	Giao tự chủ tài chính	3.194.443		
	Giao không tự chủ tài chính	239.935		
3	Chi cục THADS huyện Phú Quý	846.983	KBNN huyện Phú Quý	1664
	Giao tự chủ tài chính	836.093		
	Giao không tự chủ tài chính	10.890		
4	Chi cục THADS thị xã La Gi	1.828.551	KBNN thị xã La Gi	1670
	Giao tự chủ tài chính	1.541.786		
	Giao không tự chủ tài chính	286.765		
5	Chi cục THADS huyện Hàm Tân	1.337.688	KBNN huyện Hàm Tân	1668
	Giao tự chủ tài chính	1.311.733		
	Giao không tự chủ tài chính	25.955		
6	Chi cục THADS huyện Tánh Linh	2.249.016	KBNN huyện Tánh Linh	1669
	Giao tự chủ tài chính	1.486.201		
	Giao không tự chủ tài chính	762.815		
7	Chi cục THADS huyện Tuy Phong	1.981.918	KBNN huyện Tuy Phong	1665
	Giao tự chủ tài chính	1.824.038		
	Giao không tự chủ tài chính	157.880		
8	Chi cục THADS huyện Bắc Bình	1.893.895	KBNN huyện Bắc Bình	1663
	Giao tự chủ tài chính	1.751.895		
	Giao không tự chủ tài chính	142.000		
9	Chi cục THADS Hàm Thuận Nam	1.612.248	KBNN huyện Hàm Thuận Nam	1667
	Giao tự chủ tài chính	1.477.583		
	Giao không tự chủ tài chính	134.665		
10	Chi cục THADS huyện Đức Linh	2.109.722	KBNN huyện Đức Linh	1662
	Giao tự chủ tài chính	1.751.487		
	Giao không tự chủ tài chính	358.235		
11	Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc	2.024.649	KBNN huyện Hàm Thuận Bắc	1666
	Giao tự chủ tài chính	1.872.429		
	Giao không tự chủ tài chính	152.220		

Số: 1443/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2578/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5240b/BTP-KHTC ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

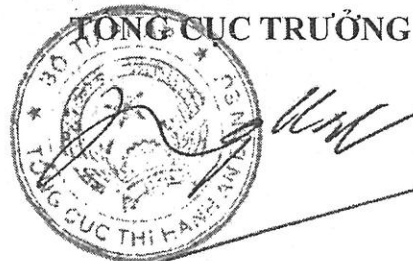
Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

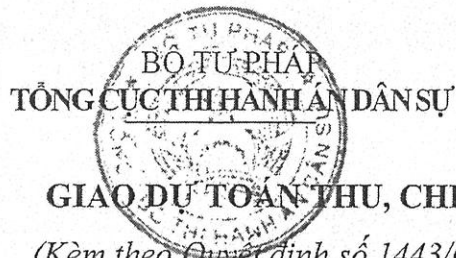
Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Quang Thái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022

của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận

Mã số : 1052718

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	7.148.297
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)	5.361.223
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.787.074
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	23.329.819
	Trong đó: - Kinh phí giao tự chủ tài chính	23.329.819
	- Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)	23.329.819
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính (trong đó, tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm năm 2023, nguồn 14)	23.329.819 28.200
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
II	Chi bồi thường (Loại 340-Khoản 368)	0
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
III	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0